

THUYẾT MINH

Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2023 ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp

	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN		
	Điều 3. Giải thích từ ngữ	Điều 3. Giải thích từ ngữ
	3a) Cục Sở hữu trí tuệ được hiểu là Cục Sở hữu trí tuệ hoặc các đơn vị trực thuộc Cục Sở hữu trí tuệ có chức năng, nhiệm vụ trong xử lý đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp và thu phí, lệ phí liên quan đến việc xử lý đơn đó.	Theo Quyết định số 06/2017/QĐ-TTg ngày 20/03/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng cơ chế tài chính đối với Cục Sở hữu trí tuệ (SHTT) thì Cục Sở hữu trí tuệ được áp dụng cơ chế quản lý tài chính, thu nhập đặc thù (cơ chế tự chủ tài chính như đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) và “được để lại 50% số tiền phí thu được để trang trải các chi phí cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí” (khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 263/2016/TT-BTC). Tuy nhiên theo Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024 thì tất cả các cơ chế quản lý tài chính, thu nhập đặc thù của các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước

	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
		bị bãi bỏ. Căn cứ Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị và Báo cáo số 329/BC-CP ngày 21/6/2024 của Chính phủ, tại Nghị quyết số 142/2024/QHXV về Kỳ họp thứ 7 (Nghị quyết số 142/2024/QHXV), Quốc hội đã quyết nghị đối với các cơ quan, đơn vị đang được áp dụng các cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù ở Trung ương, Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan cần tiếp tục rà soát toàn bộ khuôn khổ pháp lý để trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi hoặc bãi bỏ cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù của các cơ quan, đơn vị đang được thực hiện cho phù hợp trước ngày 31/12/2024. Hiện nay, Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN đang quy định Cục SHTT là cơ quan tiếp nhận, xử lý đơn và thực hiện các thủ tục, công việc liên quan đến đơn. Tuy nhiên, để bảo đảm sự chủ động về nguồn lực cho hoạt động xử lý đơn sở hữu công nghiệp, Cục Sở hữu trí tuệ tiến hành các bước cần thiết để các đơn vị sự nghiệp thuộc Cục có thể thu phí và thực hiện cơ chế tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập sau khi cơ chế đặc thù bị bãi bỏ. Do đó, sửa đổi bổ sung Thông tư 23 theo hướng Cục SHTT phân cấp, ủy quyền trong tiếp nhận và xử lý đơn để các đơn vị sự nghiệp thuộc Cục có thể thu phí và thực hiện cơ chế tài chính theo của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập sau khi cơ chế đặc thù bị bãi bỏ. Về căn cứ quy định: Khoản 4 Điều 21 của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính

	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
		phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang bộ quy định cơ cấu tổ chức của cục thuộc Bộ có thể bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập ¹ . Trong đó, việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cục (thuộc Bộ) và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập này thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 21 của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập ² . Dự kiến, các đơn vị thuộc Cục (đơn vị sự nghiệp công lập) sẽ thực hiện chức năng, nhiệm vụ liên quan đến tiếp nhận, xử lý đơn theo các văn bản do Bộ trưởng quy định.
	Điều 10. Công bố đơn hợp lệ	
	“2. Thời hạn công bố đơn đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu,	Sửa lại cho rõ, vì bản chất khoản này chỉ quy định thời hạn.

¹ **Điều 21. Cục thuộc Bộ**

4. Cơ cấu tổ chức của cục, gồm:

- a) Phòng;
- b) Văn phòng;
- c) Chi cục (nếu có);
- d) Đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có).

² **Điều 21. Thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập sau:

- a) Đơn vị quy định tại điểm c, d, đ khoản 1 Điều 2 Nghị định này;
- b) Đơn vị sự nghiệp công lập khác theo quy định của pháp luật.

3. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật; phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện theo Đề án được phê duyệt.

	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
	chỉ dẫn địa lý như sau:	
	3. Nội dung thông tin được công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp gồm các thông tin liên quan đến đơn hợp lệ về mặt hình thức ghi trong quyết định chấp nhận đơn hợp lệ (bao gồm cả số quyết định và ngày quyết định) và các thông tin dưới đây: a) Đối với đơn đăng ký sáng chế: tên, quốc tịch của tác giả sáng chế; các thông tin liên quan đến đơn hợp lệ (chuyển đổi đơn, tách đơn, số đơn ban đầu của đơn tách/đơn chuyển đổi v.v.); bản mô tả sáng chế, bản tóm tắt sáng chế; hình vẽ đặc trưng kèm theo bản tóm tắt (nếu có); ngày yêu cầu thẩm định nội dung (nếu có); ngày yêu cầu công bố sớm (nếu có); phân loại quốc tế sáng chế; và các thông tin khác (nếu có). b) Đối với đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp: tên, quốc tịch của tác giả kiểu dáng công nghiệp; các thông tin liên quan đến đơn hợp lệ (tách đơn, số đơn gốc của đơn tách v.v.); bộ ảnh chụp hoặc bản vẽ kiểu dáng công nghiệp; số phương án yêu cầu bảo hộ; phân loại quốc tế kiểu dáng công nghiệp; và các thông tin khác (nếu có). c) Đối với đơn đăng ký nhãn hiệu: mẫu nhãn hiệu và danh mục hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu; các thông tin liên quan đến đơn hợp lệ (chuyển đổi đơn, tách đơn, số đơn gốc của đơn tách v.v.); phân loại quốc tế hàng hóa, dịch vụ; và các thông tin khác	Hiện nay Cục SHTT không tiến hành công bố bản mô tả sáng chế. Lý do là bởi tính đặc thù của bản mô tả sáng chế: chứa đựng nhiều thông tin liên quan đến giải pháp kỹ thuật, nhiều hình vẽ, nội dung mô tả để bộc lộ bản chất sáng chế,...dẫn đến bản mô tả về sáng chế có thể lên tới hàng trăm, nghìn trang trong khi số lượng đơn đăng ký sáng chế phải công bố là tương đối nhiều. Theo đó, trường hợp bên thứ ba muốn tiếp cận đầy đủ thông tin về đơn đăng ký sáng chế thì có thể đến trực tiếp tại Cục để tiếp cận hồ sơ đơn (và có thể sao chụp theo quy định). Điều này làm hạn chế và gây ra sự khó khăn cho bên thứ ba để có thể thực hiện quyền phản đối đơn theo quy định. Trong khi đó, mặc dù phí công bố cho bản mô tả sáng chế đã được quy định tại Thông tư số 263/2016/TT-BTC nhưng thực tế không thể thu phí do Cục không tiến hành công bố bản mô tả. - Bổ sung từ “đăng ký”: Sửa lại cho nhất quán khái niệm với khoản 2 Điều này.

	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
	(nếu có); quy chế sử dụng (đối với nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận). d) Đối với đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý: tóm tắt tính chất đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý và tên sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý; và các thông tin khác (nếu có).	
	4. Công báo Sở hữu công nghiệp được xuất bản dưới hình thức Công báo in và Công báo điện tử.	Quy định hình thức công báo, tương tự Công báo Chính phủ.
	Điều 11. Xử lý ý kiến phản đối đơn đăng ký sở hữu công nghiệp	
	4. Trên cơ sở thông tin, chứng cứ, lập luận do các bên cung cấp (nếu có) theo quy định tại khoản 1 và 3 Điều này hoặc/và kết quả đối thoại giữa các bên theo quy định tại khoản 7 Điều này và tài liệu có trong đơn, Cục Sở hữu trí tuệ xử lý ý kiến phản đối và thông báo kết quả xử lý ý kiến phản đối cùng với kết quả thẩm định nội dung đơn tương ứng cho người phản đối. Trường hợp đơn đăng ký sở hữu công nghiệp bị rút hoặc được coi như bị rút trước khi Cục Sở hữu trí tuệ hoàn thành việc thẩm định nội dung theo quy định, Cục Sở hữu trí tuệ thông báo cho người phản đối đơn đăng ký sở hữu công nghiệp về việc này thời hạn 01 tháng kể từ ngày đơn được xác định ở trình trạng nêu trên.”	Đối với trường hợp đơn đăng ký sở hữu công nghiệp (SHCN) bị rút (người nộp đơn chủ động rút đơn) hoặc bị coi như rút đơn (không có yêu cầu thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế trong thời hạn quy định) thì đơn đăng ký SHCN được coi là chưa từng được nộp. Do đó, việc xử lý ý kiến phản đối trong trường hợp này là không cần thiết. Vì vậy bổ sung Cục SHTT thông báo cho người phản đối để biết về việc đơn đó đã được rút hoặc bị coi như rút đơn.
	Điều 26. Thẩm định nội dung đơn	

	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
	đăng ký nhãn hiệu	
	13. Trước ngày kết thúc thời hạn thẩm định nội dung đơn quy định tại khoản 4 Điều 12 của Thông tư này, Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện các công việc sau đây: “g) Nếu kết thúc thời hạn quy định tại điểm d khoản này mà người nộp đơn không có ý kiến hoặc không có văn bản đồng ý và nộp phí, lệ phí theo quy định hoặc kết thúc thời hạn quy định tại điểm c, điểm e khoản này mà người nộp đơn không nộp đủ lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, phí công bố và phí đăng bạ quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu trong thời hạn quy định tại điểm c và điểm e khoản này thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tương ứng, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu”.	Sửa đổi để thống nhất, gộp về 1 khoản cho trường hợp Cục từ chối quyết định cấp văn bằng bảo hộ (VBBH) do người nộp đơn không đóng phí trong thời hạn quy định.
	Điều 30. Thẩm định nội dung đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý	
	4. Sửa đổi, bổ sung điểm c và bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 4 Điều 30 như sau: c) Việc đánh giá chỉ dẫn địa lý theo các điều kiện bảo hộ nêu tại các điểm a và b khoản này được thực hiện trên cơ sở các thông tin do người nộp đơn cung cấp và trên cơ sở các thông tin tìm thấy được từ nguồn thông tin tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều	Thực tế thẩm định cho thấy, trong một số trường hợp nếu chỉ dựa trên thông tin do người nộp đơn cung cấp và các nguồn thông tin khác để thẩm định đơn (mà Cục tra cứu được) thì việc đánh giá điều kiện bảo hộ của chỉ dẫn địa lý thường gặp nhiều khó khăn đặc biệt liên quan đến tính chất/chất lượng đặc thù của sản phẩm hay một số yếu tố tự nhiên, yếu tố con người,... (là các yếu tố quyết định đến danh tiếng, chất lượng, đặc tính của sản phẩm mang chỉ dẫn địa

	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
	này trừ trường hợp được quy định tại điểm d khoản này. d) Trong trường hợp các thông tin được nêu tại điểm c khoản này chưa đủ để đánh giá các điều kiện bảo hộ nêu tại điểm a khoản này, Cục Sở hữu trí tuệ có thể thành lập Hội đồng tư vấn chỉ dẫn địa lý theo lĩnh vực cụ thể và/hoặc có thể thực hiện việc khảo sát thực tế bổ sung. Hội đồng tư vấn chỉ dẫn địa lý được tổ chức và hoạt động theo Quy chế do Cục Sở hữu trí tuệ ban hành.	lý), chưa kể đến đây là lĩnh vực mang tính chuyên môn (ví dụ như liên quan đến sản phẩm nông nghiệp). Do đó, việc thành lập Hội đồng tư vấn bao gồm các chuyên gia trong lĩnh vực liên quan và việc tổ chức khảo sát thực tế giúp cho Cục SHTT có thể thu thập thêm thông tin mà người nộp đơn chưa thể hiện được rõ trong tài liệu cung cấp hay xác minh, làm rõ thêm các thông tin đó để có thể thẩm định/đánh giá các điều kiện bảo hộ một cách chính xác, đầy đủ. Bên cạnh đó, việc thành lập Hội đồng tư vấn bao gồm các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan và
	Điều 33. Công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ	
	1. <i>Các thông tin về</i> Mọi quyết định cấp văn bằng bảo hộ, quyết định chấp nhận bảo hộ đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp, quyết định chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký quốc tế đều được Cục Sở hữu trí tuệ công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ra quyết định và người nộp đơn phải nộp phí công bố theo quy định.	
	“2. Các <i>Nội dung</i> thông tin được công bố <i>trên Công báo sở hữu công nghiệp</i> theo quy định tại khoản 1 Điều này gồm thông tin ghi trong quyết định tương ứng (bao gồm cả số quyết định và ngày quyết định) và các thông tin dưới đây: a) Đối với Bằng độc quyền sáng chế và	Bổ sung tương tự như công bố đơn hợp lệ

	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
	Bảng độc quyền giải pháp hữu ích: tên, quốc tịch của tác giả sáng chế; bản mô tả sáng chế , bản tóm tắt sáng chế; hình vẽ đặc trưng kèm theo bản tóm tắt (nếu có); phân loại quốc tế sáng chế; các thông tin liên quan đến chuyển đổi đơn, tách đơn, số đơn ban đầu của đơn tách/đơn chuyển đổi v.v. (nếu có); và các thông tin khác (nếu có);”	
	Điều 41a. Các biện pháp bảo đảm thông tin về quyền sở hữu công nghiệp	
	Cục Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo đảm thông tin về quyền sở hữu công nghiệp dưới đây phục vụ việc sử dụng độc quyền của các chủ sở hữu văn bằng bảo hộ: 1. Duy trì hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin để phục vụ các hoạt động bảo đảm thông tin về quyền sở hữu công nghiệp 2. Xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu quốc gia về sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 42. 3. Thực hiện các hoạt động phổ biến thông tin về quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm cung cấp thông tin về quyền sở hữu công nghiệp theo các văn bằng được cấp, phổ biến pháp luật về phạm vi quyền của chủ sở hữu văn bằng, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức và kỹ năng cần thiết cho các tổ chức, cá nhân về việc xác lập, khai thác và quản lý các quyền sở hữu công nghiệp, tôn	Hiện nay thông tư chưa có quy định về các biện pháp bảo đảm thông tin về quyền SHCN,

	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
	trọng quyền sở hữu công nghiệp.	
	Điều 42. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về sở hữu công nghiệp	
	“1. Cục Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm: <i>a) Thực hiện việc xây dựng, quản lý các cơ sở dữ liệu thông tin sở hữu công nghiệp, xây dựng các công cụ phân loại, tra cứu thông tin sở hữu công nghiệp.</i> <i>b) Tổ chức việc hướng dẫn cách tra cứu và sử dụng thông tin sở hữu công nghiệp trong và ngoài nước cho người dùng tin.</i> <i>c) Tổ chức việc cung ứng thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, bảo đảm khả năng tiếp cận các cơ sở dữ liệu thông tin cho các đối tượng có nhu cầu dùng tin phục vụ các hoạt động xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, nghiên cứu, phát triển và kinh doanh.</i> <i>d) Xây dựng mạng lưới hỗ trợ phổ biến và khai thác thông tin sở hữu công nghiệp cho các địa phương, các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp.</i> <i>e) Quản lý và tổ chức thực hiện việc chia sẻ, kết nối, khai thác, hợp tác quốc tế và các hoạt động khác liên quan đến cơ sở dữ liệu quốc gia về sở hữu công nghiệp.”</i>	Thể hiện lại cho rõ và chi tiết hóa. Bổ sung “Xây dựng mạng lưới...” chính là cụ thể hóa các hoạt động của Mạng lưới TISC cũng như có căn cứ giải trình cho sử dụng phí sử dụng VBBH.
	Điều 43. Tiếp cận và khai thác thông tin thuộc cơ sở dữ liệu quốc gia về sở hữu công nghiệp	
	2. Sử dụng dịch vụ tra cứu, <i>tìm kiếm</i> ,	- Thể hiện lại cho nhất quán với nội dung sửa đổi

	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
	<i>phân tích thông tin hoặc dịch vụ</i> cung cấp thông tin, tư liệu <i>do Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện</i> , với điều kiện phải trả chi phí theo quy định.	tại Điều 44 Thông tư này;
	Điều 44. Dịch vụ tra cứu thông tin, cung cấp tư liệu	
	Cục Sở hữu trí tuệ tổ chức thực hiện dịch vụ tra cứu, <i>tìm kiếm, phân tích thông tin và dịch vụ cung cấp thông tin</i> , tư liệu cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu quy định tại khoản 2 Điều 43 của Thông tư này.	- Bổ sung dịch vụ “tìm kiếm, phân tích thông tin” để tránh gây nhầm lẫn với dịch vụ “tra cứu thông tin SHCN” hiện đang quy định là phí, để tạo thuận lợi cho việc xây dựng giá dịch vụ cho đơn vị sự nghiệp thực hiện.
Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của Thông tư số 23/2023/TT-BKHCHN:		
	1. Thay cụm từ “quyền nộp đơn” thành “quyền đăng ký” tại điểm a khoản 5 Điều 11; 2. Thay cụm từ “Điều 27” thành “Điều 24” tại điểm b khoản 4 Điều 30; 3. Thay cụm từ “Điều 3” thành “Điều 5” tại khoản 2 Điều 36; 4. Bãi bỏ điểm đ khoản 13 Điều 26.	
Điều 3. Quy định chuyển tiếp		
	1. Quy định về việc công bố đơn của Thông tư này được áp dụng đối với đơn đăng ký xác lập quyền đã được Cục Sở hữu trí tuệ tiếp nhận trước ngày Thông tư này có	

	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
	hiệu lực nhưng chưa được công bố. 2. Quy định về việc công bố văn bằng bảo hộ của Thông tư này được áp dụng đối với các văn bằng bảo hộ đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa được công bố. 3. Quy định về việc thẩm định nội dung đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý của Thông tư này được áp dụng đối với các đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý đã được Cục Sở hữu trí tuệ tiếp nhận nhưng chưa có kết quả thẩm định nội dung đơn.	
Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành		
	1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 202... 2. Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Cục Sở hữu trí tuệ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. 3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, hướng dẫn giải quyết./.	